



shuāi bài

衰败

verb · decline, decay

Example Sentences

Zhè ge chéng shì zhèng zài shuāi bài
这个城市正在衰败。

This city is in decline.

Jīng jì shuāi bài dǎo zhì hěn duō rén shī yè
经济衰败导致很多人失业。

The economic decline caused many people to lose their jobs.

Trace each character, then write the word on your own.

衰	衰	衰	衰	衰	衰	衰	衰	衰	衰	衰
衰	衰									

败	败	败	败	败	败	败	败	败	败	败
